

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2020/DS-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hải Nam – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; Địa chỉ: Tháp B, số 35 V, K, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Gia H, Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Quảng Bình; Ủy quyền lại cho ông Nguyễn Phúc M – Trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Quảng Bình; Địa chỉ liên hệ: Số 189, đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 từ ông Phan Đức T và Văn bản ủy quyền số 1146/QĐ-BIDV.QB ngày 24/10/2019 từ ông Lê Gia H – Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Quảng Bình). Ông Nguyễn Phúc M có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Thành N, sinh năm 1984 và bà Bùi Thị Kim N, sinh năm 1990; Điều trú tại: Tổ dân phố 2 C, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP N (B) trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

Từ ngày 02/6/2017, ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đã ký với B Quảng Bình Hợp đồng tín dụng 01/2017/5443397/HĐTD, để vay với tổng số tiền 440.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Mục đích vay vốn là mua xe ô tô con nhãn hiệu KIA CERATO 1.6MT làm phương tiện đi lại.

Trong quá trình quan hệ tín dụng tại B Quảng Bình, ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký với B Quảng Bình và để phát sinh nợ quá hạn với tổng dư nợ gốc, lãi, phí tạm tính đến hết ngày 06/12/2019 là: 382.319.629 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi hai triệu, ba trăm mười chín ngàn, sáu trăm hai mươi chín đồng chẵn), trong đó dư nợ gốc: 353.000.000 đồng, dư nợ lãi và lãi quá hạn: 29.319.629 đồng.

Toàn bộ khoản vay này của ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N hiện là nợ xấu, là đối tượng theo nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu đối với các tổ chức tín dụng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đã sử dụng tài sản thế chấp (tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng) là xe ô tô con, nhãn hiệu KIA CERATO 1.6 MT, màu trắng, 05 chỗ ngồi. Biên kiểm soát 73A-079... theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 012147 ngày 31/05/2017 do công an tỉnh Quảng Bình cấp, số khung RNYYE41M6HC104556, số máy G4FGHH676887; Tên chủ xe: ông Đỗ Thành N. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/5443397/HĐBĐ ngày 02/6/2017, với giá trị thế chấp là 559.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu đồng chẵn).

Vì vậy, để thu hồi nợ vay Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP N thông qua Chi nhánh Quảng Bình, số tiền tạm tính đến hết ngày 06/12/2019 là 382.319.629 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi hai triệu, ba trăm mười chín ngàn, sáu trăm hai mươi chín đồng chẵn) trong đó dư nợ gốc 353.000.000 đồng, dư nợ lãi và lãi quá hạn 29.319.629 đồng và số tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N với B Quảng Bình cho đến ngày ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N trả nợ xong cho B Quảng Bình.

Trường hợp ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên, B Quảng Bình được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế

chấp nói trên để thanh toán cho nghĩa vụ của ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đối với B Quảng Bình để ngân hàng thu hồi nợ.

* Ý kiến bị đơn – bà Bùi Thị Kim N (Bà N đã có lời khai tại Bản tự khai ngày 13/5/2020): Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, về việc B Quảng Bình khởi kiện tôi và ông Đỗ Thành N phải thanh toán khoản nợ vay 382.319.629 đồng. Tôi thừa nhận tôi và ông Đỗ Thành N ký hợp đồng vay nợ tín dụng với Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Quảng Bình số tiền trên, mục đích vay mua xe ô tô con phục vụ cuộc sống gia đình. Hiện có tài sản bảo đảm là xe ô tô con (Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng) nhãn hiệu KIA CERATO 1.6MT màu trắng 5 chỗ ngồi biển kiểm soát 73A 079.. theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 012147 ngày 31/5/2017 do công an Quảng Bình cấp. Hiện nay ông Đỗ Thành N đang sử dụng xe ô tô này. Chúng tôi mới có quyết định ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới số 13 ngày 30/01/2020 nên chúng tôi không còn là vợ chồng nữa. Đề nghị xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô trên để thanh toán khoản vay của chúng tôi ở trên.

Hiện tài sản bảo đảm thế chấp (tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng) là xe ô tô con, nhãn hiệu KIA CERATO 1.6 MT, màu trắng, 05 chỗ ngồi. Biển kiểm soát 73A-079... theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 012147 ngày 31/05/2017 do công an tỉnh Quảng Bình cấp, số khung RNYYE41M6HC104556, số máy G4FGHH676887; Tên chủ xe: ông Đỗ Thành N. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/5443397/HĐBĐ ngày 02/6/2017, với giá trị thế chấp là 559.000.000 đồng đang thuộc sự quản lý và sử dụng của ông Đỗ Thành N, còn giấy tờ xe thì B đang nắm giữ.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N trình bày: Sau khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án trên thì ngày 11/6/2020, ông Đỗ Thành N đã tự nguyện đến Ngân hàng trả số tiền 49.900.000 đồng được trừ vào nợ gốc, do đó số nợ gốc hiện nay của bị đơn còn nợ B là 285.100.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả tổng dư nợ gốc, lãi, phí tạm tính đến hết ngày 15/9/2020 là: 345.685.750 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn), trong đó dư nợ gốc: 285.100.000 đồng, nợ lãi: 60.585.750 đồng gồm dư nợ lãi trong hạn: 57.042.328 đồng và lãi quá hạn: 3.543.422 đồng) và số tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N với B Quảng Bình cho đến ngày ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N trả nợ xong cho B Quảng Bình. Trường hợp ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên, B Quảng Bình được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp nói trên để thanh toán cho nghĩa vụ của ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đối với B Quảng Bình để ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn - ông Đỗ Thành N vắng mặt tại các phiên làm việc của Tòa án nên không có bản tự khai. Đồng thời ông Nhung và bà N do không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả các khoản nợ gốc, lãi của hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP N và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại hợp đồng cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên, B Quảng Bình được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp nói trên để thanh toán cho nghĩa vụ của ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đối với B Quảng Bình để ngân hàng thu hồi nợ. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bị đơn ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N cư trú tại Tổ dân phố 2 C, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và hiện nay ông, bà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa chỉ trên và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu theo xác nhận của Công an thành phố Đồng Hới tại Văn bản 1097/CADH-QLHC ngày 03/4/2020 về việc phối hợp trao đổi thông tin của công dân. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện ... tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Ngày 17/7/2017 ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N vi phạm

nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/5443397 ngày 02/6/2017. Do đó, ngày 10/2/2020 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn thời hiệu.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng bị đơn ông Đỗ Thành N chỉ đến Tòa án ký nhận Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập; bà Bùi Thị Kim N có lời khai tại Bản tự khai ngày 13/5/2020, sau đó cũng không đến Tòa án để làm việc theo các phiên hòa giải cũng như phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt trực tiếp, đầy đủ các văn bản tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Ngày 12/8/2020 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-DS, mở phiên tòa vào ngày 28/8/2020, sau đó đã tổng đạt trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N; Nhưng Bị đơn: ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 15/9/2020 theo đúng quy định tại Điều 227, 233, 235 BLTTDS đồng thời tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn nhưng bị đơn ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N vẫn không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai. HĐXX căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N phải trả tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng 01/2017/5443397/HĐTD ngày 02/6/2017 đã ký kết gồm tổng dư nợ gốc, lãi, phí tạm tính đến hết ngày 15/9/2020 là: 345.685.750 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn), trong đó dư nợ gốc: 285.100.000 đồng, nợ lãi: 60.585.750 đồng gồm dư nợ lãi trong hạn: 57.042.328 đồng và lãi quá hạn: 3.543.422 đồng) và số tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N với B Quảng Bình cho đến ngày ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N trả nợ xong cho B Quảng Bình.

Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng 01/2017/5443397/HĐTD ngày 02/6/2017 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng 2010, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn- ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ

của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng kê chi tiết lịch sử khoản vay do Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 17/7/2017 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng ngày 02/6/2017, và tiếp theo đó bị đơn đã vi phạm nhiều kỳ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Tính đến hết ngày 15/9/2020 tổng dư nợ là: 345.685.750 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn), trong đó dư nợ gốc: 285.100.000 đồng, nợ lãi: 60.585.750 đồng gồm dư nợ lãi trong hạn: 57.042.328 đồng và lãi quá hạn: 3.543.422 đồng) theo hợp đồng tín dụng 01/2017/5443397/HĐTD ngày 02/6/2017.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu bị đơn trả nợ và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn trốn tránh việc trả nợ, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 15/9/2020 tổng dư nợ là: 345.685.750 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn), trong đó dư nợ gốc: 285.100.000 đồng, nợ lãi: 60.585.750 đồng gồm dư nợ lãi trong hạn: 57.042.328 đồng và lãi quá hạn: 3.543.422 đồng) theo hợp đồng tín dụng 01/2017/5443397/HĐTD ngày 02/6/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án chỉ có bà Bùi Thị Kim N có mặt làm bản tự khai đã thừa nhận cùng ông Đỗ Thành N ký kết hợp đồng tín dụng với B đúng như nội dung Ngân hàng khởi kiện, mặc dù theo trình bày của bà N thì hiện tại ông bà đã có quyết định giải quyết ly hôn có hiệu lực của Tòa án nhưng cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay vốn ngân hàng để phục vụ cuộc sống chung, đầu tư phát triển kinh tế gia đình; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ vào hợp đồng nêu trên cùng sự thừa nhận của đương sự có đủ cơ sở buộc ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N có trách nhiệm liên đới phải trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và số tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N với B Quảng Bình cho đến ngày ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N trả nợ xong cho B Quảng Bình.

[2.3] Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đã sử dụng tài sản thế chấp (tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng) là xe ô tô con, nhãn hiệu KIA CERATO 1.6 MT, màu trắng, 05 chỗ ngồi. Biển kiểm soát 73A-079... theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 012147 ngày 31/05/2017 do công an tỉnh Quảng Bình cấp, số khung RNYYE41M6HC104556, số máy G4FGHH676887; Tên chủ xe: ông Đỗ Thành N. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/5443397/HĐBĐ ngày 02/6/2017, với

giá trị thế chấp là 559.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu đồng chẵn).

Hiện tài sản bảo đảm thế chấp (tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng) là xe ô tô con, nhãn hiệu KIA CERATO 1.6 MT, màu trắng, 05 chỗ ngồi. Biển kiểm soát 73A-079... theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 012147 ngày 31/05/2017 do công an tỉnh Quảng Bình cấp, số khung RNYYE41M6HC104556, số máy G4FGHH676887; Tên chủ xe: ông Đỗ Thành N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/5443397/HĐBĐ ngày 02/6/2017, với giá trị thế chấp là 559.000.000 đồng đang thuộc sự quản lý và sử dụng của ông Đỗ Thành N, còn giấy tờ xe thì B đang nắm giữ. Theo ý kiến của bà N thì ông Đỗ Thành N đang sử dụng xe ô tô này, đề nghị xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô trên để thanh toán khoản vay của ông bà ở trên.

Xét hợp Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Do đó, đối với yêu cầu của Nguyên đơn về trường hợp ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên, B Quảng Bình được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp nói trên để thanh toán cho nghĩa vụ của ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N đối với B Quảng Bình để ngân hàng thu hồi nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn - ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $345.685.750 \text{ đồng} \times 5\% = \mathbf{17.284.000}$ đồng để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);
- Áp dụng các Điều 116, 119, 317, 320, 323, 385, 398, 401, 466 Bộ luật dân sự (2015);
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N (B):

1.1 Buộc ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N liên đới phải trả cho Ngân hàng TMCP N tính đến hết ngày 15/9/2020 với tổng số tiền là: 345.685.750 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn), trong đó dư nợ gốc: 285. 100.000 đồng, nợ lãi: 60.585.750 đồng gồm dư nợ lãi trong hạn: 57.042.328 đồng và lãi quá hạn: 3.543.422 đồng) theo hợp đồng tín dụng 01/2017/5443397/HĐTD ngày 02/6/2017.

1.2 Từ ngày 16/9/2020 cho đến khi trả hết tiền gốc, hàng tháng ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh từ số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng 01/2017/5443397/HĐTD ngày 02/6/2017.

1.3. Trường hợp ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên, Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/5443397/HĐBĐ ngày 02/6/2017 gồm:

Xe ô tô con, nhãn hiệu KIA CERATO 1.6 MT, màu trắng, 05 chỗ ngồi. Biển kiểm soát 73A-079... theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 012147 ngày 31/05/2017 do công an tỉnh Quảng Bình cấp, số khung RNYYE41M6HC104556, số máy G4FGHH676887; Tên chủ xe: ông Đỗ Thành N.

2. Án phí:

2.1 Bị đơn - ông Đỗ Thành N và bà Bùi Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **17.284.000** đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.2 Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 9.558.000 đồng (bằng chữ: Chín triệu, năm trăm năm mươi tám ngàn đồng chẵn) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006303 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa